

Bản án số: 38/2025/DS-PT

Ngày 27/8/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa: Ông Nguyễn Minh Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho, ông Vũ Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Phan Thị Tứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2025/QĐXX-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Quang H, sinh năm 1989; Địa chỉ: C P, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Có đơn đề nghị xét xử vắng.

- Bị đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1981; Địa chỉ: D L, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đoàn Thị H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: C P, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Có đơn đề nghị xét xử vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2025, bản tự khai ngày 15/5/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đinh Quang H trình bày:

Vợ chồng anh Đinh Quang H và chị Đoàn Thị H1 có mối quan hệ quen biết và có làm ăn với chị Tạ Thị L. Ngày 31/10/2023, anh H cho chị L vay số tiền 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng), thời gian trả nợ 30 ngày (từ ngày 31/10/2023 đến ngày 30/11/2023). Trong giấy mượn tiền ngày 31/10/2023 không thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền gốc 540.000.000 đồng. Khoảng thời gian sau đó (không nhớ rõ thời gian cụ thể), chị L có trả cho anh H số tiền gốc 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 440.000.000 đồng (B trăm bốn mươi triệu đồng) và không thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ, nhiều lần anh H hỏi về số tiền còn nợ nhưng chị L không trả. Cuối năm 2024, chị L chuyển cho anh H 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng.

Quá hạn trả nợ chị L không trả nên anh H yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 440.000.000 đồng theo lãi suất Ngân hàng là 8.5%/năm. Số tiền chị L trả anh H 20.000.000 đồng, anh H đồng ý trừ vào tiền lãi. Tại phiên tòa, anh H có thay đổi yêu cầu tính lãi vì trong đơn khởi kiện anh tính nhầm, nay anh yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/12/2023 đến 31/3/2025 số tiền $49.866.667 - 20.000.000 = 29.866.667$ đồng (làm tròn số **29.866.000 đồng**). Đối với lời khai chị L đưa anh H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để lo công việc, anh H khai đây là việc riêng giữa anh H và chị L, và số tiền này không liên quan đến số tiền nợ trên.

Anh H yêu cầu Tòa án buộc chị Tạ Thị L phải trả cho anh số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/3/2025 số tiền **29.866.000 đồng**, **tổng số tiền nợ: 469.866.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- *Bị đơn chị Tạ Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 14/5/2025:* Chị thừa nhận có nợ anh Đinh Quang H số tiền theo giấy vay tiền ngày 31/10/2023: 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng), chị đã trả cho anh H số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), còn nợ lại số tiền gốc 440.000.000 đồng. Về lãi suất trong giấy vay tiền trên thì không ghi và không thỏa thuận, anh H yêu cầu bao nhiêu thì chị trả tiền lãi bấy nhiêu. Cuối năm 2024 chị đã chuyển khoản 02 lần tổng số tiền 20.000.000 đồng, trước đó trong năm 2024 chị có đưa công việc cho anh H số tiền 70.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh chị khó khăn, chị mong anh H trừ cho chị số tiền gốc 90.000.000 đồng chị đã trả và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật. Chị L không tới Tòa tham gia phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên toà dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện bị đơn đây là tài sản chung của vợ chồng. Chị đồng ý đối với yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến 31/3/2025, trừ đi số tiền 20.000.000 đồng chị L đã trả, còn phải trả lãi **29.866.000 đồng, tổng số tiền nợ: 469.866.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi) đã tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 227 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 105, Điều 155, Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự.

Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đinh Quang H đề ngày 02 tháng 4 năm 2025.

Buộc chị Tạ Thị L phải trả cho anh Đinh Quang H số tiền nợ gốc: 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng), tiền lãi (tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/3/2025) **29.866.000 đồng, tổng số tiền: 469.866.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Thời hạn trả nợ kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 11/7/2025, bị đơn Tạ Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận chị Tạ Thị L đã thanh toán cho anh Đinh Quang H số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc, khấu trừ vào nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 440.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với

những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn chị Tạ Thị L

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Tạ Thị L thừa nhận có vay số tiền 540.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 31/10/2023 có chữ viết và ký của bị đơn, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 31/10/2023 đến ngày 31/11/2023, không thể hiện lãi suất, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận chị L đã trả anh H số tiền gốc 100.000.000 đồng, do đó anh H khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền gốc 440.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 31/10/2023 và tính lãi đối với khoản nợ trong thời gian chậm trả là có cơ sở.

[2.2]. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25/8/2025, chị L gửi kèm các bản photo tin nhắn, ảnh chuyển khoản và 01 tờ sao kê ngân hàng (tờ sao kê có dấu dập lại, nhưng không đủ con dấu), HĐXX thấy rằng các tài liệu này không phải là chứng cứ hợp pháp theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên không có cơ sở xem xét; hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị L đã từng khai rằng số tiền 70.000.000 đồng chị đưa cho anh H để lo công việc, và anh H cũng xác nhận có nhận số tiền như trên nhưng không liên quan đến khoản nợ này. Đây là số tiền trong quan hệ giao dịch dân sự khác giữa anh H và chị L, không liên quan đến khoản nợ trong vụ án, giai đoạn giải quyết tại cấp sơ thẩm chị L không có yêu cầu độc lập hoặc phản tố, nên không có cơ sở để chấp nhận giải quyết trong cùng vụ án, chị L có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Chị L và anh H thống nhất vào thời điểm cuối năm 2024, chị L có trả thêm cho anh H số tiền 20.000.000 đồng. Thấy rằng hạn trả nợ trong giấy mượn tiền là ngày 31/11/2023, nhưng đến cuối năm 2024 chị L mới trả, do đó cấp sơ thẩm xác

định số tiền này được trừ vào lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, thấy rằng kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 38, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Tạ Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi).

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91 luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 105, Điều 155, Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đinh Quang H đề ngày 02 tháng 4 năm 2025.

Buộc chị Tạ Thị L phải trả cho anh Đinh Quang H số tiền nợ gốc: 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng), tiền lãi (tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/3/2025) **29.866.000** đồng, tổng số tiền: **469.866.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Thời hạn trả nợ kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc chị Tạ Thị L phải chịu **22.794.640 đồng** (*Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Đinh Quang H số tiền 13.180.000 đồng (Mười ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000425 ngày 14/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 tỉnh Quảng Ngãi*)

- Buộc chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000269 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND t. Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV7 tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV7 tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND KV7 tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Pho

Vũ Văn Thuấn

Nguyễn Minh Thành

